ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG
Số: TVHN-54/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 20-35cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 30-50cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 22/02 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 05-10cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước xuống chậm, đỉnh triều tại các trạm ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên chậm theo triều tới ngày 27/02. Đỉnh triều ở mức dưới BĐI.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 24/02/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 22/02		So với 21/02		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III									23/02	24/02	25/02	26/02	27/02
Tiền	Tân Châu	350	400	**450**	Hmax	**140**	-5	▼	33	▲	24	▲	138	136	133	128	123
					Hmin	**5**	-1	▼	22	▲	-14	▼	3	-1	-5	-10	-15
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	**300**	Hmax	**152**	-7	▼	30	▲	38	▲	150	148	145	140	135
					Hmin	**0**	0	◀▶	20	▲	9	▲	-2	-6	-10	-15	-20
Hậu	Khánh An	420	470	**520**	Hmax	**135**	-5	▼	28	▲	23	▲	133	131	128	123	118
					Hmin	**46**	-4	▼	33	▲	2	▲	44	40	36	31	26
	Châu Đốc	300	350	**400**	Hmax	**157**	-6	▼	26	▲	37	▲	155	153	150	145	140
					Hmin	**6**	-1	▼	16	▲	-5	▼	4	0	-4	-9	-14
	Long Xuyên	190	220	**250**	Hmax	**168**	-6	▼	34	▲	50	▲	166	164	161	156	151
					Hmin	**8**	2	▲	24	▲	29	▲	6	2	-2	-7	-12
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	**330**	Hmax	**154**	-6	▼	33	▲	37	▲	152	150	147	142	137
					Hmin	**3**	1	▲	23	▲	6	▲	1	-3	-7	-12	-17
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	**400**	Hmax	**36**	-4	▼	-3	▼	-5	▼	34	32	30	29	28
					Hmin	**7**	-6	▼	-2	▼	-8	▼	5	3	1	-1	-3
	Vĩnh Gia	200	240	**280**	Hmax	**25**	-3	▼	-1	▼	-5	▼	23	21	19	18	17
					Hmin	**15**	-6	▼	-2	▼	-11	▼	14	13	12	11	10
	Vĩnh Điều	170	200	**230**	Hmax	**33**	-3	▼	-1	▼	-8	▼	31	29	27	26	25
					Hmin	**23**	-4	▼	-5	▼	-11	▼	22	21	20	19	18
T3	Vĩnh Phú	150	180	**210**	Hmax	**33**	-4	▼	-3	▼	-5	▼	31	29	27	26	25
					Hmin	**26**	-5	▼	-4	▼	-5	▼	25	24	23	22	21
T5	Nông Trường	160	190	**220**	Hmax	**45**	-3	▼	0	◀▶	1	▲	43	41	39	38	37
					Hmin	**36**	-3	▼	-1	▼	0	◀▶	35	34	33	32	31
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	**280**	Hmax	**39**	-7	▼	-13	▼	-3	▼	37	35	33	32	31
					Hmin	**16**	-6	▼	-2	▼	-2	▼	14	12	10	8	6
	Cô Tô	140	180	**220**	Hmax	**56**	1	▲	-8	▼	14	▲	54	52	50	49	48
					Hmin	**38**	-4	▼	-6	▼	5	▲	36	34	32	30	28
	Nam Thái Sơn	90	120	**150**	Hmax	**49**	-1	▼	-6	▼	-2	▼	47	45	43	42	41
					Hmin	**37**	-3	▼	-8	▼	-5	▼	35	33	31	29	27
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	**250**	Hmax	**24**	-3	▼	-5	▼	0	◀▶	22	20	18	17	16
					Hmin	**11**	-5	▼	-6	▼	-6	▼	10	9	8	7	6
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	**220**	Hmax	**74**	1	▲	-9	▼	16	▲	72	70	68	67	66
					Hmin	**55**	-2	▼	-4	▼	13	▲	53	51	49	47	45
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	**270**	Hmax	**106**	-2	▼	-1	▼	25	▲	104	102	100	99	98
					Hmin	**58**	-3	▼	6	▲	13	▲	56	54	52	50	48
RG-LX	Núi Sập	140	180	**220**	Hmax	**70**	0	◀▶	-11	▼	3	▲	68	66	64	63	62
					Hmin	**45**	-2	▼	-5	▼	-2	▼	43	41	39	37	35

RG-LX	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**59**	2	▲	-8	▼	1	▲	58	57	56	55	54
					Hmin	**47**	0	◀▶	-1	▼	5	▲	46	45	44	43	42
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**42**	2	▲	-8	▼	2	▲	41	40	39	38	37
					Hmin	**34**	0	◀▶	-3	▼	13	▲	33	32	31	30	29
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**30**	3	▲	-1	▼	-6	▼	32	34	36	37	38
					Hmin	**-3**	-4	▼	-24	▼	15	▲	-4	-5	-6	-7	-8
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**50**	-2	▼	-3	▼	6	▲	54	58	61	64	67
					Hmin	**-13**	-5	▼	6	▲	18	▲	-19	-23	-29	-31	-33

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

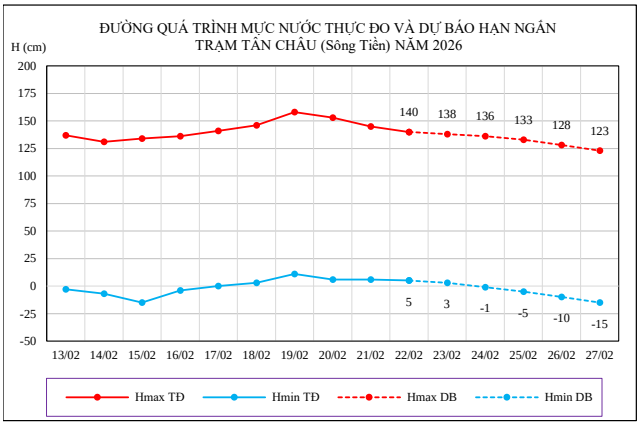

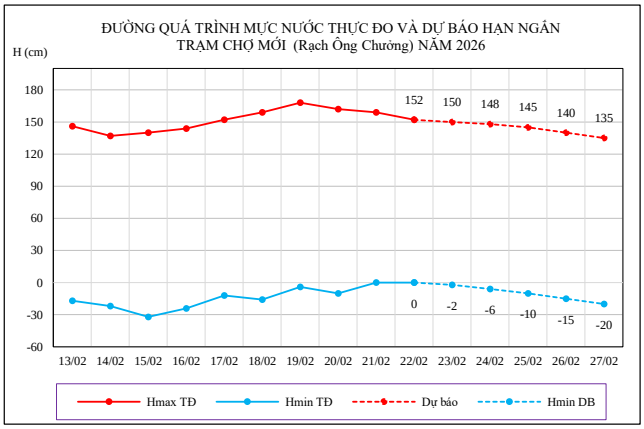

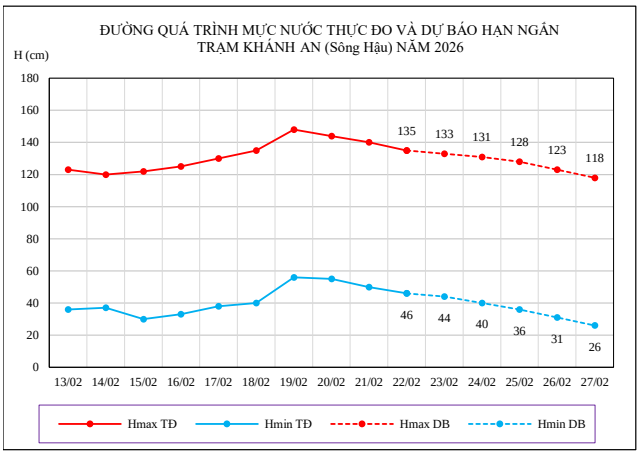

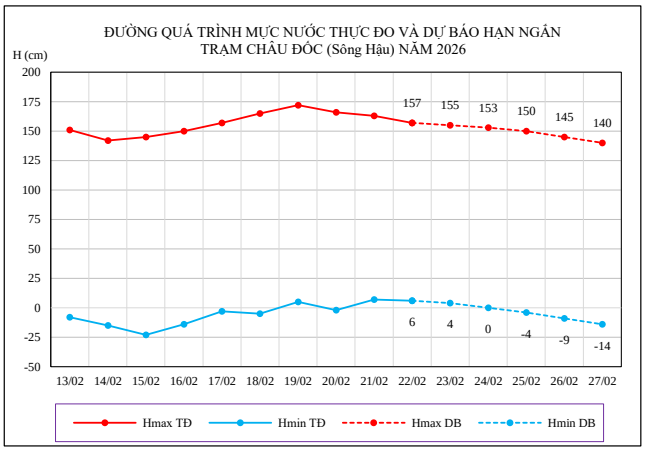

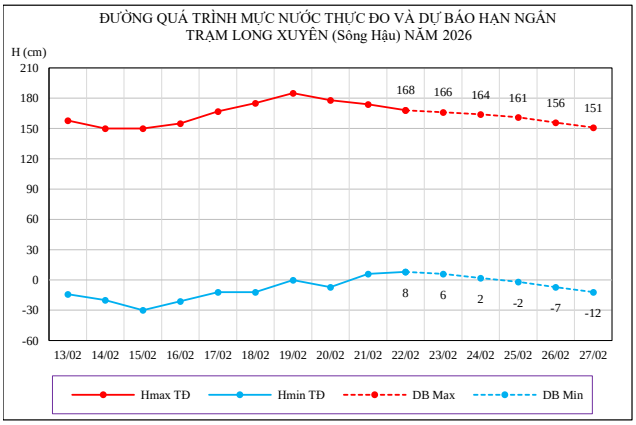

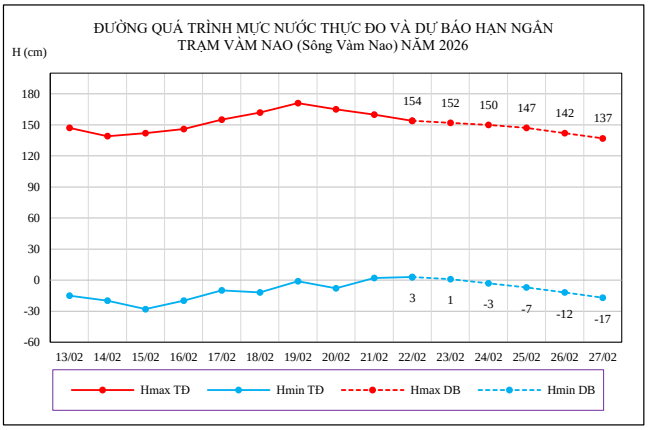

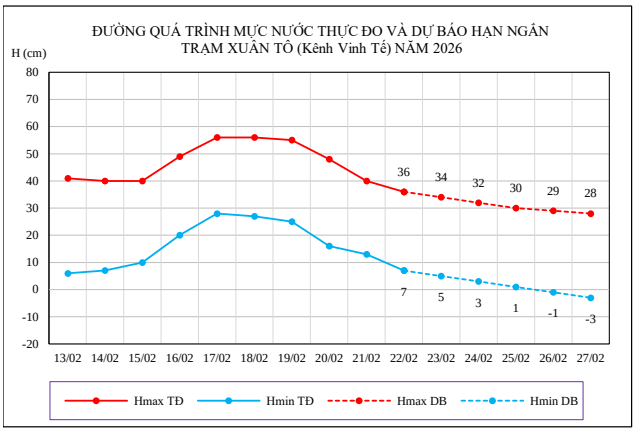
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
80 70 60 50 40 30 20 10 0 -10 -20
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
36 34 32 30 29 28
7 5 3 1 -1 -3
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

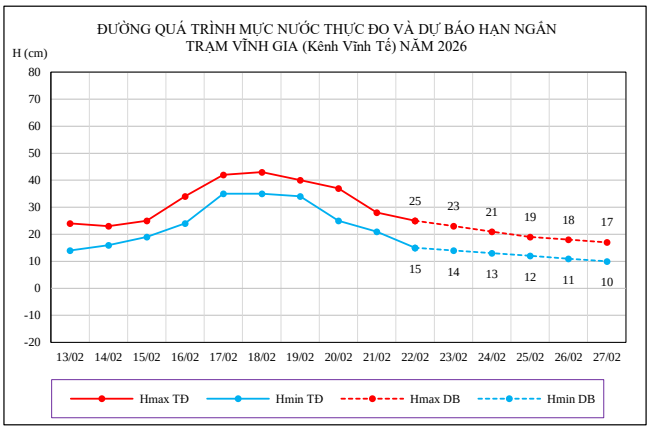
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
80 70 60 50 40 30 20 10 0 -10 -20
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
25 23 21 19 18 17
15 14 13 12 11 10
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

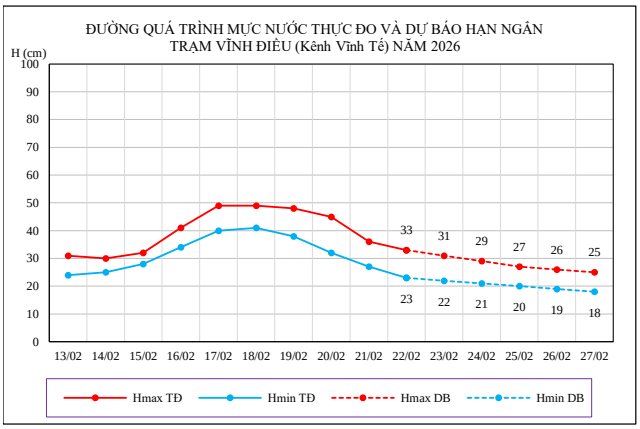
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
100 90 80 70 60 50 40 30 20 10 0
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
33 31 29 27 26 25
23 22 21 20 19 18
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

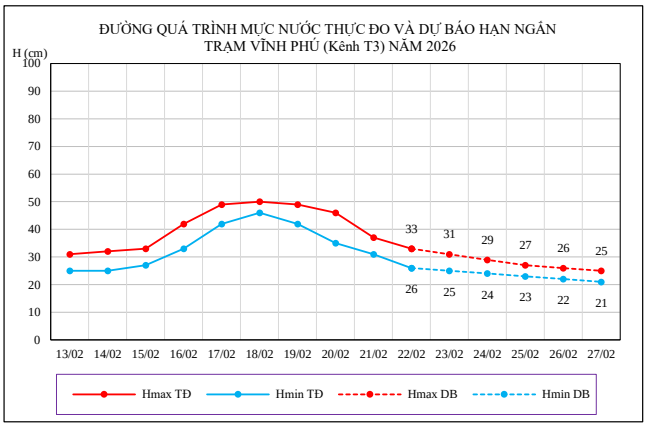
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
100 90 80 70 60 50 40 30 20 10 0
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
33 31 29 27 26 25
26 25 24 23 22 21
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

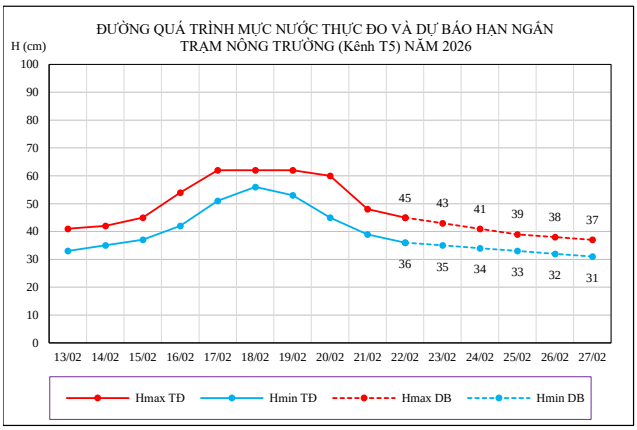
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
100 90 80 70 60 50 40 30 20 10 0
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
45 43 41 39 38 37
36 35 34 33 32 31
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

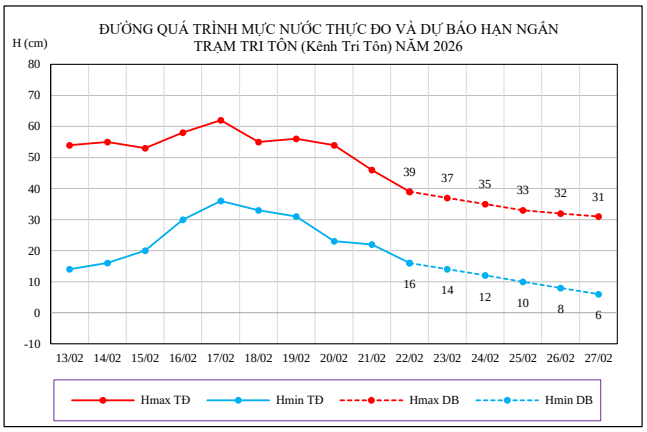
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
80 70 60 50 40 30 20 10 0 -10
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
39 37 35 33 32 31
16 14 12 10 8 6
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

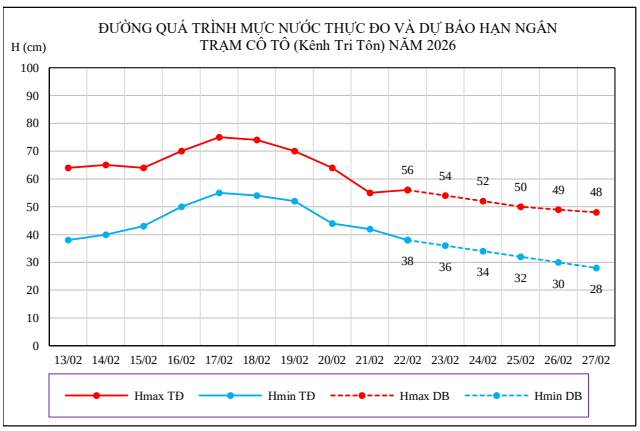
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CÔ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
100 90 80 70 60 50 40 30 20 10 0
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
56 54 52 50 49 48
38 36 34 32 30 28
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

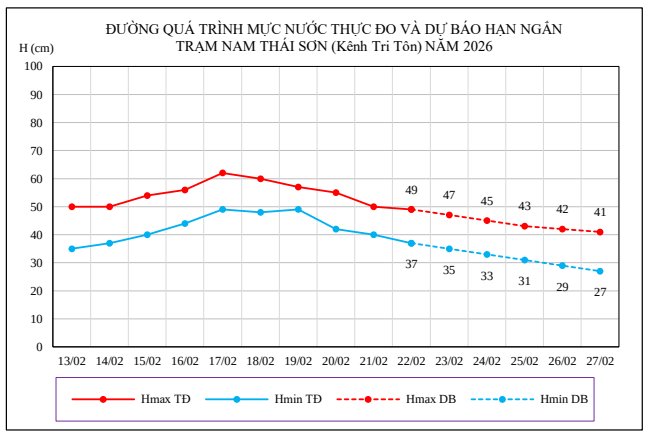
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
100 90 80 70 60 50 40 30 20 10 0
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
49 47 45 43 42 41
37 35 33 31 29 27
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

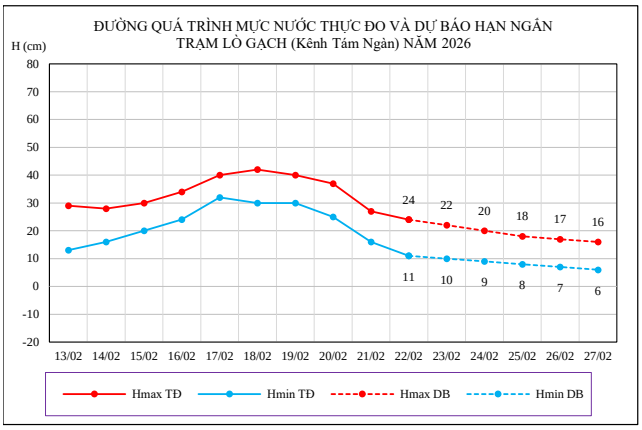
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
80
70
60
50
40
30
20
10
0
-10
-20
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
24 22 20 18 17 16
11 10 9 8 7 6
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

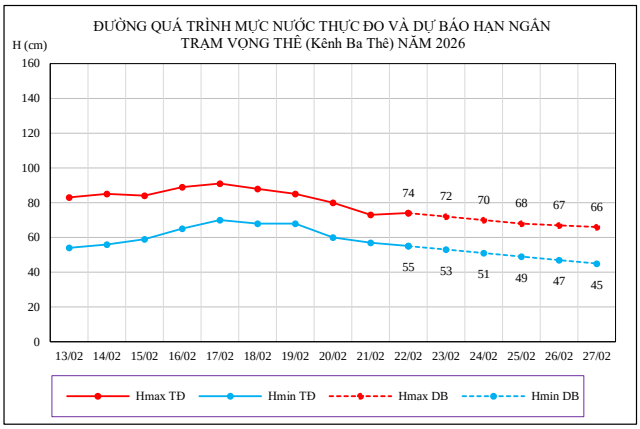
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
160
140
120
100
80
60
40
20
0
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
74 72 70 68 67 66
55 53 51 49 47 45
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

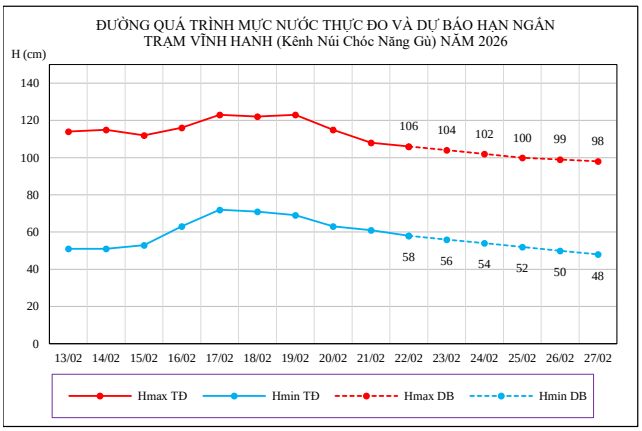
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
140
120
100
80
60
40
20
0
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
106 104 102 100 99 98
58 56 54 52 50 48
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

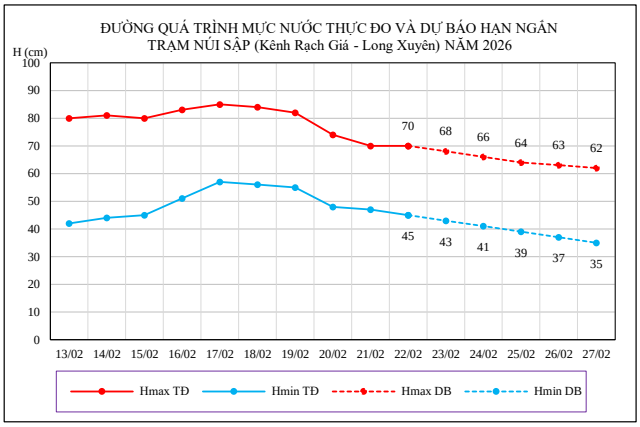
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
100
90
80
70
60
50
40
30
20
10
0
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
70 68 66 64 63 62
45 43 41 39 37 35
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

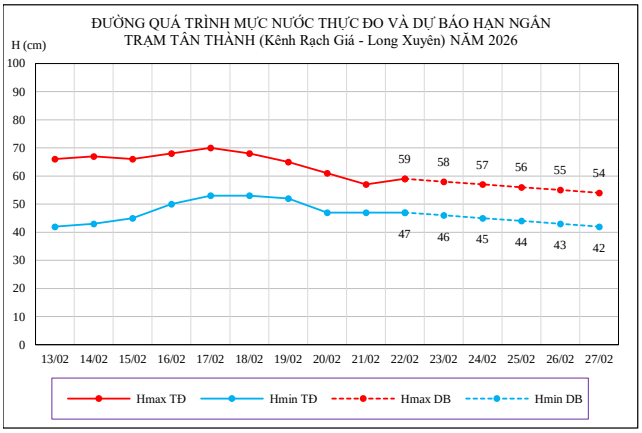
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
100
90
80
70
60
50
40
30
20
10
0
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
59 58 57 56 55 54
47 46 45 44 43 42
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

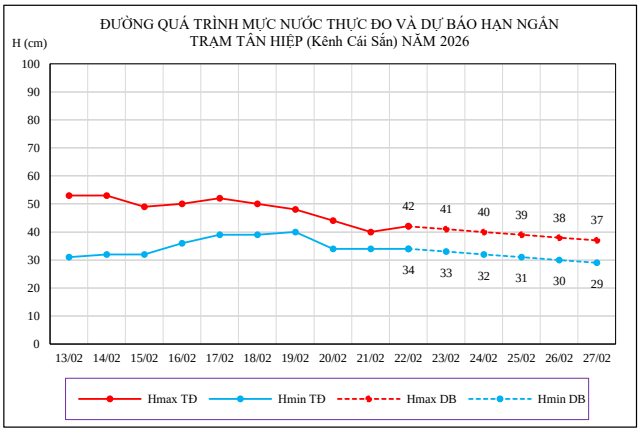
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
100
90
80
70
60
50
40
30
20
10
0
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
42 41 40 39 38 37
34 33 32 31 30 29
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

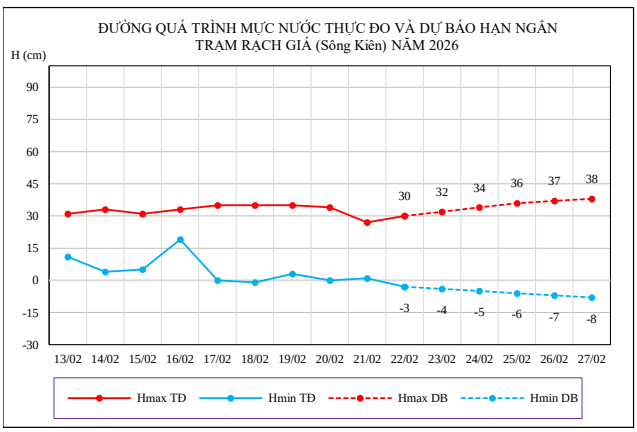
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
90
75
60
45
30
15
0
-15
-30
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
30 32 34 36 37 38
-3 -4 -5 -6 -7 -8
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

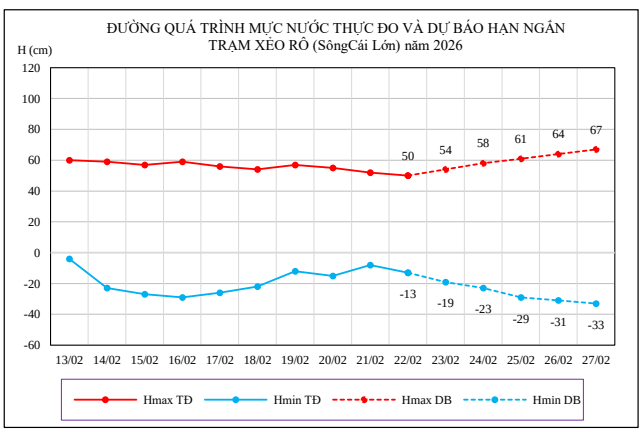
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (SôngCái Lớn) năm 2026
H (cm)
120
100
80
60
40
20
0
-20
-40
-60
13/02 14/02 15/02 16/02 17/02 18/02 19/02 20/02 21/02 22/02 23/02 24/02 25/02 26/02 27/02
50 54 58 61 64 67
-13 -19 -23 -29 -31 -33
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB